

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 894 /UBND-KT

Đức Cơ, ngày 05 tháng 5 năm 2020

V/v đề nghị tham gia ý kiến vào
kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện;
- Các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện;
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện;
- Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị.

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Triển khai văn bản số 2125/UBND-KTTH ngày 25/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025. UBND huyện đã xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 680/BC-UBND ngày 17/10/2019.

Ngày 11/3/2020, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành văn bản số 390/UBND-KT về việc lập danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chuyên môn, tổng hợp của phòng Tài chính – Kế hoạch. Để triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được hiệu quả, xác với nhu cầu thực tế, phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm khả năng cân đối vốn đầu tư công, tránh điều chỉnh nhiều lần. Ủy ban nhân dân huyện kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị; kiểm tra, rà soát có ý kiến tham gia đề xuất đối với danh mục, thứ tự ưu tiên, quy mô, kinh phí các dự án (trực tiếp vào dự thảo hoặc bằng văn bản) để tổng hợp.

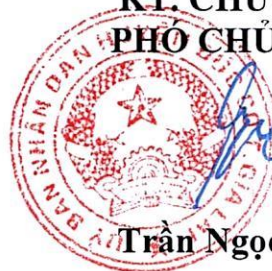
Văn bản tham gia ý kiến gửi về UBND huyện thông qua phòng Tài chính - Kế hoạch trước ngày 08/5/2020 để tổng hợp (kèm theo dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025).

Nhận được văn bản này, đề nghị các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Phận

BẢNG TỔNG DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Văn bản số **894** /UBND-KT ngày **05** tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Dự kiến vốn đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG				620.000	
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ					
A	LĨNH VỰC Y TẾ					
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					
1	Trường THCS Lê Hồng Phong	Xã Ia Krêl	Năm 2021	Nhà Cấp III, 02 tầng; Xây dựng mới 12 phòng học lý thuyết + 04 phòng bộ môn và phòng thư viện, thiết bị, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ	21.000	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	Nhà cấp III, 2 tầng, 08 phòng học, DTS:727m ² , 10 phòng ở học viên 480m ² , Nhà bếp, nhà ăn, nhà ở cho giáo viên 355m ² , thiết bị và các hạng mục phụ	16.000	
3	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Ia Kla	Năm 2024	Nhà cấp III, 2 tầng; Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 04 phòng bộ môn và các hạng mục phụ, thiết bị	8.000	
C	NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN					
	Sửa chữa, nâng cấp Đập làng Sơn xã Ia Nan; đập Ia Krêl xã Ia Dok	xã Ia Nan, xã Ia Dok	Năm 2023	Đảm bảo tưới 45 ha lúa nước, 32 ha cây công nghiệp	15.000	
D	GIAO THÔNG VẬN TẢI					
1	Chinh trang đò thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty			35.000	
1.1	Đường Nguyễn Văn Linh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Nâng cấp nền, mặt đường với chiều dài tuyến L=1,347Km; Bề rộng mặt đường Bm=17m, mặt đường Bê tông nhựa dày 7cm và các hạng mục phụ	23.000	
1.2	Đường Võ Thị Sáu, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	Nâng cấp mặt đường với chiều dài tuyến L=1,262km; Bề rộng mặt đường Bm=7m, mặt đường Bê tông nhựa dày 7cm	4.500	
1.3	Đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023	Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa dày 7cm, Bề rộng mặt đường Bm=10,5m, với chiều dài tuyến L=1,725Km;	7.500	hiện trạng mặt đường 3,5 m
2	Đường nội thị, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021-2022	Nâng cấp, mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, L= 1,87 km, Bm=10,5m; mặt đường bê tông nhựa,; Đường Anh Hùng Núp; L=1,726km; Bm= 19m; dài phân cách 2m, Mặt đường cấp phối đá dăm láng nhựa TCN 4,5Kg/m ² ; bó vỉa, vỉa hè, hệ thống thoát nước	50.000	
3	Đường từ Quốc lộ 19 đi Công ty 74	Thị trấn Chư Ty, xã Ia Kla	Năm 2023	Đường cấp IV miền núi, L= 4,6 km; Bn=7,5m, Bm= 5,5m; 01 cầu; Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước;	30.000	
4	Đường từ thị trấn Chư Ty đi xã Ia Kriêng (từ quốc lộ 19 đi xã Ia Kriêng nối đường liên huyện)	Thị trấn Chư Ty, xã Ia Kriêng	Năm 2024	Đường cấp IV miền núi, L= 5,5 km; Bn=7,5m; Bm=5,5m; Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước;	20.000	

TT	Công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Dự kiến vốn đầu tư	Ghi chú
5	Đường Từ ngã 3 kiểm lâm (QL19) đến quốc lộ 14C, xã Ia Nan	Xã Ia Dom, xã Ia Nan	Năm 2025	Đường cấp IV miền núi, L= 3,5 km; Bn=7,5m; Bm=5,5m; Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước;	15.000	
6	Đường từ Quốc lộ 19 đến ngã 3 làng Gáo, xã Ia Lang.	Xã Ia Lang	Năm 2025	Nâng cấp, mở rộng; L= 9,3 km; Bn=7,5m; Bm= 5,5m; mặt đường cấp phối đá dăm láng nhựa; hệ thống thoát nước	25.000	
E	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				35.000	
	Trụ sở HĐND-UBND huyện	Thị trấn Chư Ty	2022-2023	Nhà cấp II, 03 tầng, DT sàn 1.750 m2 và các hạng mục phụ	25.000	
	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Din	xã Ia Din	2024	Nhà làm việc cấp III, 02 tầng, DTXD 362m2; DTS 748m2, nhà làm việc 01 cửa, thiết bị và các hạng mục phụ	10.000	
H CÔNG TRÌNH DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH (20%)					54.000	
1	Đường Tôn Đức Thắng	Thị trấn Chư Ty	2021	Nâng cấp, mở rộng, L= 1,1 km, Bn=25m, Bm = 23m, dải phân cách 2m, mặt đường cấp phối đá dăm láng nhựa, hệ thống thoát nước	20.000	
2	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Trần Quốc Toản	Xã Ia Kriêng	2022	Nhà cấp III, 02 tầng gồm nhà học 10 phòng + 04 phòng học bộ môn và 2 phòng lý thuyết, nhà vệ sinh học sinh và các hạng mục phụ	7.000	
3	Đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	2023	Nâng cấp, mở rộng L=1,117km, Bm= 16m, mặt đường cấp phối đá dăm láng nhựa TCN 4,5kg/m2, bó vỉa, hệ thống thoát nước	17.000	
3	Điểm tham quan du lịch sinh thái rừng hương	Xã Ia Kriêng	2024	Đường giao thông 0,6km, sân bê tông , bãi giữ xe, nhà lưu trú 200m2, giếng khoan 2 giếng, đường dây trung thế, trạm biến áp (1 trạm) , nhà vệ sinh 20m2, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ	10.000	
II NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH PHÂN CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ					104.000	
A	LĨNH VỰC Y TẾ					
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				48.000	
1	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng chức năng, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện và nhà vệ sinh, thiết bị	5.000	
2	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	xã Ia Dom	Năm 2021	Xây dựng 04 phòng bộ môn + nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ, thiết bị	4.000	
3	Trường Tiểu học Hùng Vương	Xã Ia Din	Năm 2022	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng chức năng, nhà bếp, nhà ăn, thiết bị	4.700	
4	Trường Tiểu học Kim Đồng	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng chức năng, thiết bị	3.800	
5	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Lê Quý Đôn	Xã Ia Lang	Năm 2023	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng chức năng, 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, nhà vệ sinh, thiết bị	5.000	
6	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	Xã Ia Din	Năm 2023	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 04 phòng chức năng, nhà bếp nhà ăn và các hạng mục phụ, thiết bị	6.000	
7	Trường Tiểu học Ngô Mây	Xã Ia Kla	Năm 2024	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, nhà hiệu bộ, nhà bếp nhà ăn và các hạng mục phụ, thiết bị	6.000	
8	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	Xã Ia Kriêng	Năm 2024	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết + 04 phòng chức năng, nhà bếp nhà ăn và các hạng mục phụ	5.800	

TT	Công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Dự kiến vốn đầu tư	Ghi chú
9	Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	Xã Ia Dok	Năm 2025	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết + 02 phòng chức năng, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện, nhà bếp, nhà ăn, thiết bị	5.000	
10	Trường THCS Nguyễn Huệ	Xã Ia Din	Năm 2025	Xây dựng 02 phòng học bộ môn, nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh, thiết bị và các hạng mục phụ	2.700	
C LĨNH VỰC VĂN HÓA-TDTT						
1	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Phòng phát thanh, phòng kỹ thuật và các hạng mục phụ	5.200	
2	Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	Kè đá, sân bê tông, hệ thống thoát nước, hệ thống điện và các hạng mục phụ	7.500	
3	Sân vận động huyện Đức Cơ	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023	San ủi mặt bằng, khán đài, kè đá, nhà vệ sinh, trồng cỏ và các hạng mục phụ	5.000	
4	Nhà văn hóa xã Ia Din	xã Ia Din	Năm 2023	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 400m2, và các hạng mục phụ, thiết bị	2.500	
5	Nhà văn hóa xã Ia Kla	xã Ia Kla	Năm 2025	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 400m2 và các hạng mục phụ, thiết bị	2.700	
6	Nhà văn hóa xã Ia Dok	xã Ia Dok	Năm 2025	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 400m2, và các hạng mục phụ, thiết bị	2.800	
D GIAO THÔNG VẬN TẢI						
	Đường Trần Bình Trọng thị trấn Chư Ty (từ Đường Quang Trung đến đường Lê Lai)	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024	Chiều dài L= 0,15 km; Bn=10,5m; Bm= 7,5m; bê tông nhựa, đan rãnh, bó vỉa và hệ thống thoát nước	2.800	
E AN NINH QUỐC PHÒNG						
1	Ban chỉ huy quân sự huyện; hạng mục: Nhà ở cán bộ chiến sĩ tại SCH SH 01 khu (408)	xã Ia Kriêng	Năm 2022	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 150 m2; nhà vệ sinh, thiết bị	1.000	
2	Ban chỉ huy quân sự huyện; hạng mục: Xây dựng khu căn cứ chiến đấu gia đình	xã Ia Kriêng	Năm 2025	01 ha	2.000	
H QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC						
1	Trụ sở HĐND-UBND thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Nhà làm việc 01 cửa, hội trường, công an và các hạng mục phụ, thiết bị	6.000	
2	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Kriêng	xã Ia Kriêng	Năm 2022	Nhà làm việc công an, xã đội; Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 180 m2; và các hạng mục phụ, thiết bị	1.400	
1	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Lang	xã Ia Lang	Năm 2023	Nhà làm việc công an, xã đội; Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 180 m2; và các hạng mục phụ, thiết bị	1.400	
3	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Krêl	xã Ia Krêl	Năm 2024	Nhà làm việc 01 cửa, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ, thiết bị	2.000	
6	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Pnôn	xã Ia Pnôn	Năm 2024	Nhà làm việc công an, xã đội; Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 180 m2; nhà vệ sinh	1.450	
8	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Nan	xã Ia Nan	Năm 2025	Nhà làm việc công an, xã đội; Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 180 m2	1.400	
I LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						
1	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	huyện Đức Cơ	Năm 2024		3.450	
2	Xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin gắn với cải cách hành chính	huyện Đức Cơ	Năm 2025		1.500	
					1.950	
K LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ						
					5.800	

TT	Công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Dự kiến vốn đầu tư	Ghi chú
1	Nâng cấp hệ thống một cửa diện từ huyện xã	huyện Đức Cơ	Năm 2021-2022		2.100	
2	Đầu tư trang thông tin diện từ các xã, thị trấn	huyện Đức Cơ	Năm 2023		1.700	
3	Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ	huyện Đức Cơ	Năm 2024-2025		2.000	
L	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP					
	Xây dựng khu giết mổ gia súc, gia cầm tại vị trí mới	Thị trấn Chư Ty	Năm 2025		1.600	
CÔNG TRÌNH DỰ PHÒNG (20%)						
					20.000	
1	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Xã Ia Dok	Năm 2021	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết, 01 phòng chờ giáo viên	1.200	
2	Trường Tiểu học Đinh Núp	xã Ia Krêl	Năm 2021	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết	1.000	
3	Trường Tiểu học Trần Phú	xã Ia Dom	Năm 2022	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng chức năng, thiết bị và các hạng mục phụ	5.000	
4	Trường THCS Nguyễn Hiền	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023	Xây dựng 02 phòng bộ môn, sân thể dục thể thao, nhà vệ sinh, tường rào, thiết bị	2.500	
5	Công viên huyện	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024		3.000	
6	Nâng cấp, mở rộng đường nội thị	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024		4.300	
7	Xây dựng khu giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Ia Dom	Xã Ia Dom	Năm 2025	Diện tích đất 5.000m2	1.500	
8	Xây dựng khu giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Ia Dok	Xã Ia Dok	Năm 2025	Diện tích đất 5.000m2	1.500	
III NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG						
					246.000	
GIAO THÔNG VẬN TẢI						
	Đường liên xã IaKrêl - IaKla, huyện Đức Cơ	xã Ia Krêl, Ia Kla, TT Chư Ty	2018-2022	Đường cấp IV, L=10,04km, Bn=7,5m, Bm=5,5m, cầu L=21m; hệ thống mương, cống thoát nước	246.000	công trình chuyển tiếp
	Đường liên xã Ia Phôn - Ia Kriêng - Ia Lang, huyện Đức Cơ	xã Ia Phôn - Ia Kriêng - Ia Lang	Năm 2021-2024	Đường cấp IV, L=21,5km, Bn=7,5m, Bm=5,5m,03 cầu; mặt đường bê tông nhựa; hệ thống mương, cống thoát nước	200.000	

TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHÂN CẤP CHO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Văn bản số **894** /UBND-KT ngày **05** tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
	TỔNG SỐ						84.000	97.000	
I	Chi phí bồi thường hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác theo quy định						7.590	8.000	
II	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất						5.230	9.700	
III	Tiền sử dụng đất còn lại						71.180	79.300	
III.1	Tiền sử dụng đất trích nộp quỹ phát triển đất						17.480	29.100	
III.2	Tiền sử dụng đất dành cho đầu tư						53.700	50.200	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020								
(2)	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025								
(3)	Các dự án khởi công mới								
I	Chương trình, ngành, lĩnh vực GIAO THÔNG							26.300	
1.1	Đường quy hoạch Đ2,Đ5,Đ6 Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài L=0,6km, Bn= 10,5 m, Bm=7,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m2 và hệ thống thoát nước	2021					4.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
1.2	Đường quy hoạch Đ8, Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài L=0,95km, Bn=8,2 ÷ 10,5 m, Bm=7,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	2022				5.000	
1.3	Đường quy hoạch Đ1 nối dài, Đ4 Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài L=0,67km, Bn= 10,5 m, Bm=7,0m, đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	2023				4.500	
1.4	Đường giao thông Tổ dân phố 4 (Đoạn Anh Hùng Núp đến đường Trần Hưng Đạo nối dài) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	L= 1,35 km; Bn= 7,5; Bm= 3,5m; mặt đường đá dăm láng nhựa; hệ thống thoát nước	2024				2.000	
1.5	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội thị (Đường Lê Duẩn nối dài, Đường Hoàng Văn Thụ, Đường Chu Văn An)	Thị trấn Chư Ty	L= 1,20 km; Bm= 7,5m; mặt đường cấp phối đá dăm láng nhựa; vỉa hè, hệ thống thoát nước	2021-2025				5.000	
1.6	Đường giao thông làng Tro Đen thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	L= 0,50 km; Bm= 3,5m; mặt đường đá dăm láng nhựa; hệ thống thoát nước	2025				800	
1.7	Đường giao thông Tổ dân phố 4 (Đoạn Anh Hùng Núp bên hông Trung tâm y tế đến cuối đường Trần Hưng Đạo nối dài) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	L= 1,0 km; Bn= 7,5; Bm= 3,5m; mặt đường đá dăm láng nhựa; hệ thống thoát nước	2025				2.000	
1.8	Đường quy hoạch nội thị trấn	Thị trấn Chư Ty	L= 1,5 km; Bn= 7,5; Bm= 3,5m; mặt đường đá dăm láng nhựa; hệ thống thoát nước	2021-2025				3.000	
2	Chương trình, ngành, lĩnh vực VĂN HÓA THỂ DỤC THỂ THAO							800	
	Sân thể thao các Tổ dân phố	Thị trấn Chư Ty		2021-2025				800	
3	Chương trình, ngành, lĩnh vực Tài Nguyên Môi trường							8.600	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
3.1	Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm và giai đoạn 2021-2030 huyện Đức Cơ	huyện Đức Cơ		2021-2025				3.000	
3.2	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường	huyện Đức Cơ		2021-2025				3.200	
3.3	Thống kê đất đai hàng năm giai đoạn 2021-2025	huyện Đức Cơ		2021-2025				1.000	
3.4	Điều chỉnh quy hoạch 5 năm kỳ đầu	huyện Đức Cơ		2021-2025				600	
3.5	Kiểm kê đất đai năm 2025	huyện Đức Cơ		2025				800	
4	Chương trình, ngành, lĩnh vực KHÁC							14.500	
4.1	Dự án Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cắm mốc quy hoạch	huyện Đức Cơ		2021-2025				6.000	
4.2	Dự án Chính trang đô thị							8.500	
4.2,1	Bổ sung điện chiếu sáng tuyến đường Lê Hồng Phong	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài tuyến L=0,8km. Cột BTLT H=8,4m; Cần đèn thép mạ kẽm Ø48, dây ABC 4x25mm ² , tủ điều khiển 2 chế độ, bóng cao áp 250W.	2021				1.000	
4.2,2	Cải tạo điện chiếu sáng công cộng tuyến đường QT đoạn TDP 7.	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài tuyến L=0,5km. Cột BTLT H=8,4m; Cần đèn thép mạ kẽm Ø48, dây ABC 4x25mm ² , tủ điều khiển 2 chế độ, bóng cao áp 250W.	2022				500	
4.2,3	Chính trang Công viên huyện	Thị trấn Chư Ty	Chính trang hàng rào, cột cờ, nhà rông, lối đi bộ, trồng cỏ, sân, hệ thống tưới nước, điện chiếu sáng	2021-2025				2.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
4.2.4	Khung trang trí ngang đường Lý Thái Tổ. Trần Hưng Đạo	Thị trấn Chư Ty	Làm mới 2 khung trang trí LED ngang đường kết cấu dạng vòm thép. Chiều độ L=14m; Chiều cao đỉnh H=7,8m. Số lượng 02 khung	2023				1.000	
4.2.5	Cài tạo điện chiếu sáng công cộng khu vực TDP 1 (đoạn bình bình đi xã Ia Krél)	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài tuyến L=0,7km. Cột BTLT H=8,4m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây ABC 4x25mm2, tủ điều khiển 2 chế độ, bóng cao áp 250W.	2023				500	
4.2.6	Chỉnh trang chốt đèn tín hiệu giao thông	Thị trấn Chư Ty	Thay thế trụ đèn tín hiệu giao thông (kết hợp dịch chuyển vị trí cột), cài tạo dây dẫn, tủ điều khiển.	2023-2025				2.000	
4.2.7	Cài tạo cụm đèn Led trang trí Bình Bình	Thị trấn Chư Ty	Thay thế 03 trụ đèn cầu, cài tạo 06 trụ led đuốc và led trang trí tượng đài.	2024				500	
4.2.8	Cài tạo điện chiếu sáng công cộng đường Võ Thị Sáu	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài tuyến L=1,2 km. Cột BTLT H=8,4m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây ABC 4x25mm2, tủ điều khiển 2 chế độ, bóng cao áp 250W.	2025				1.000	

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025 CẤP XÃ
(Kèm theo Văn bản số **894** /UBND-KT ngày **05** tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
	NĂM 2021				36.494,0
I	Xã Ia Din				6.200,0
1	Duy tu Đường giao thông thôn Đoàn Kết, thôn Thống Nhất	Thôn Đoàn Kết	L= 1,0 km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	1.000,0
2	Đường giao thông tuyến 2 thôn Đoàn Kết	Thôn Đoàn Kết	L= 0,5 km, Bn=5,0m; Bm=3,5m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	800,0
3	Đường giao thông thôn Thống Nhất (Nối tuyến 2 Đồng Tâm 1)	thôn Thống Nhất	L= 0,4 km, Bn=5,0m; Bm=3,5m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	600,0
4	Đường giao thông tuyến 2 làng Ai Gòn	thôn Thống Nhất	L= 0,5km; Bn=5,0m; Bm=3,0 m; BTXM đá 2x4 mác 250, dày 16cm; hệ thống thoát nước	Năm 2021	800,0
5	Trường Mầm non Tuổi Thơ	thôn Thống Nhất	Sân bê tông, tường rào	Năm 2021	500,0
6	Mương thoát nước làng Neh (Kè Cống Lỡ)	Làng Neh		Năm 2021	500,0
7	Chợ xã Xây Mới	Thôn Quyết Thắng		Năm 2021	2.000,0
II	Xã Ia Nan			Năm 2021	2.200,0
1	Trường tiểu học Cù Chính lan (Điểm Ia Chía và điểm thôn Đức Hưng)	xã IaNan	Sân bê tông (S=200m ²), Nhà vệ sinh HS (S=36m ²) Thư viện đa năng, Nhà để xe giáo viên điểm Ia Chía, Phòng chờ giáo viên, Nhà bảo vệ; Nhà xe điểm thôn Đức Hưng; hàng rào L=200m; Bàn, ghế nhà ăn bán trú (08 bàn và 80 ghế); Bàn, ghế nghỉ cho HS bán trú (70 bộ); Máy vi tính (20 máy)	Năm 2021	2.200,0
III	Xã Ia Dok			Năm 2021	805,0
1	Đường giao thông từ cây Đa làng Ghè đi làng Đo	làng Ghè, làng Đo	L=600m, Bn=5,5m, Bm= 3,5m láng nhựa, hệ thống thoát nước	Năm 2021	805,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
IV	Xã Ia Lang			Năm 2021	9.605,0
01	Đường ra khu sản xuất làng Gào (sau Nhà SHCĐ làng Gào)	làng Gào	L= 2km; Bn= 6,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2021	2.500,0
02	Đường giao thông làng Gào (từ ngã ba đi cánh đồng làng Gào)	làng Gào	L=4,0km; Bn=5,0; Bm=3,0; hệ thống thoát nước	Năm 2021	3.550,0
03	Xây dựng khu thể thao làng Gào	làng Gào	DT = 0,01 ha	Năm 2021	410,0
04	Đường giao thông tuyến 2 nối Le 1 - Le 2	làng Le 1, Le 2	L= 0,5km; Bn= 6,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2021	565,0
05	Đường giao thông nội làng Le 1 (đoạn tiếp theo)	làng Le 1	L= 1,0 km; Bn= 6,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2021	1.025,0
06	Xây dựng chợ Ia Lang		DT = 0,05ha	Năm 2021	505,0
07	Nhà SHCĐ làng Le 1	làng Le 1	Nhà cấp IV, DTXD = 102m ² , sân, cổng, tường rào và các hạng mục phụ	Năm 2021	1.050,0
V	Xã Ia Dom			Năm 2021	2.060,0
1	Tường rào trụ sở , Cổng chào UBND xã qua QL19	xã Ia Dom	Tường rào L= 235m, cổng chào cao 5,5m, 2 trụ sắt	Năm 2021	300,0
2	Xây dựng phân tuyến nghĩa địa chung xã Ia Dom	Thôn Ia Mút	2ha	Năm 2021	300,0
3	Sân vận động xã Ia Dom	Thôn Mook Trang	Làm láng sân khẩu 9mx6m, trụ cờ , vòm che, hàng rào trụ bê tông lưới B40 L=640m. Sân bóng quy cách 90mx45m	Năm 2021	400,0
4	Đường giao thông thôn Mook Trêl (từ suối đập tràn đến nhà ông Hà)	Thôn Mook Trêl	Sửa chữa: L=1 km	Năm 2021	500,0
5	Trường Tiểu học Trần Phú	Thôn Mook Đen 2	Sân bê tông S= 300m ²	Năm 2021	210,0
6	Trường THCS Nguyễn Trãi	Thôn Mook Đen 1	Sân bê tông S= 500m ²	Năm 2021	350,0
VI	Xã Ia Kla			Năm 2021	3.464,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
1	Đường giao thông nội làng Sung Kép (Từ nhà Rơ Lan Nhong đến nhà Rmah The)	làng Sung Kép	L=300m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2021	335,0
2	Đường giao thông nội làng Sung Le Kát (Từ nhà Lê Văn Trụ đến nhà Rơ Mah Jan)	làng Sung Le Kát	L=660m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2021	726,0
3	Đường giao thông nội thôn Chư Bô 2 (Từ QL19B đến Nhà văn hóa thôn Chư Bô 2)	thôn Chư Bô 2	L=100m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2021	170,0
4	Đường giao thông nội làng Sung Le Tung (Từ nhà Rơ Lan Thăn đến nhà Rơ Mah H'A)	làng Sung Le Tung	L=210m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2021	233,0
5	Đường giao thông nội thôn Chư Bô 1 (Từ QL19B đến Nhà văn hóa thôn Chư Bô 1)	thôn Chư Bô 1	L=130m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2021	200,0
6	Trạm y tế xã	Xã Ia Kla	Nhà cấp IV; DT=200m ²	Năm 2021	800,0
7	Sân thể thao trung tâm của xã	Xã Ia Kla	DT= 1,0 ha; Cống, tường rào, nhà quản lý, khán đài	Năm 2021	1.000,0
VII	Xã Ia Kriêng			Năm 2021	6.760,0
1	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà ông Vũ đến nhà ông Kpuih Lý)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 150m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	300,0
2	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà ông Kpuih Sót đến nhà Ông Thuyên)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 140m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	280,0
3	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà ông Việt đến nhà Bà Bung)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 140m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	280,0
4	Đường giao thông nội làng Lung (Đoạn từ nhà ông Huyền đến nhà ông Siu Ky)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 180; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	360,0
5	Đường giao thông nội làng Áp (Đoạn từ sân bóng đến nghĩa địa làng Áp)	làng Áp	Đường nhựa L= 500m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	1.000,0
6	Đường giao thông nội làng Grôn (Đoạn từ nhà Tép đến giọt nước)	làng Grôn	Đường BTXM, L= 170m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	340,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
7	Đường giao thông nội làng Grôn (Đoạn từ nhà Ông Bua đến nhà ông Geng)	làng Grôn	Đường nhựa L= 100m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	200,0
8	Đường quy hoạch thôn Ia Lâm	thôn Ia Lâm	Đường nhựa L= 600m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2021	1.200,0
9	Nhà làm việc tổ 1 cửa		Nhà làm việc 1 cửa, tường rào và các hạng mục, thiết bị	Năm 2021	2.000,0
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Hrang	làng Hrang	DT 100m ² ; tường rào, sân bê tông, thiết bị và các hạng mục khác	Năm 2021	800,0
VIII	Xã Ia Pnôn			Năm 2021	3.700,0
1	Đường giao thông làng Bua (đoạn nối tiếp đường nhựa tại nhà mủ đội 12 đến đường nhựa đầu dốc làng cùi đi đôn 725	làng Bua	L= 2,0 km, Bn=5,5m; Bm=3,5m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2021	2.500,0
2	Đường giao thông làng Bua (đoạn còn lại nối tiếp đường bê tông đi vào đập Ia sáp)	làng Bua	L= 1,0km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	Năm 2021	1.200,0
IX	Xã Ia Krêl			Năm 2021	1.700,0
1	Đường giao thông thôn Thanh Tân	Thôn Thanh Tân	L=712m; Bn=5,0; Bm=3,0m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2021	1.000,0
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Krol	làng Krol	Nhà cấp IV, DTXD 102m ² , thiết bị	Năm 2021	700,0
	NĂM 2022				26.830,0
I	Xã Ia Đin				7.300,0
1	Duy tu Sửa chữa Đường giao thông thôn Thống Nhất	thôn Thống Nhất	L= 0,7 km, Bn=5,0m; Bm=3,5m;	Năm 2022	800,0
2	Quy hoạch chi tiết nghĩa địa xã, Đường nội bộ nhà Quán Trang	Thôn Đoàn Kết		Năm 2022	2.000,0
3	Duy tu sửa chữa Đường giao thông làng Yit tú Đến làng Yit Rông	làng Yit tú đến làng Yit Rông 2	L= 2,5km; Bn=6,5m; Bm=3,5 m; hệ thống thoát nước	Năm 2022	1.000,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
4	Đường vào Nghĩa địa làng Yít Tú	Yít Tú	L= 0,5km; Bn=5,5m; Bm=3,0 m; BTXM đá 2x4, mác 250; hệ thống thoát nước	Năm 2022	1.000,0
5	Duy tu sửa chữa Đường giao thông làng Neh, làng Al Gôn	làng Neh, làng Al Gôn	L= 0,5km; Bn=6,5m; Bm=3,5 m; BTXM đá 2x4 mác 250; hệ thống thoát nước	Năm 2022	1.500,0
6	Đường vào bãi rác xã	Yít Tú	L= 0,5km; Bn=5,5m; Bm=3,0 m; BTXM đá 2x4 mác 250; hệ thống thoát nước	Năm 2022	1.000,0
II	Xã Ia Nan			Năm 2022	1.600,0
1	Trường Tiểu học KpăKlong	xã IaNan	Sửa chữa nhà hiệu bộ và 06 phòng học; Xây hàng Rào L=190m; Mua sắm thiết bị thư viện; Các dụng cụ nhà bếp, nhà ăn, bàn ghế bán trú	Năm 2022	800,0
2	Sửa chữa đường giao thông từ ngã ba kiểm lâm đi thôn Ia Chía	xã IaNan	Sửa chữa nề, mặt đường và hệ thống thoát nước với chiều dài L=1,5km	Năm 2022	800,0
III	Xã Ia Dok			Năm 2022	1.905,0
1	Đường giao thông nội làng Pong		L=850m, Bn=5m, Bm= 3m láng nhựa, hệ thống thoát nước	Năm 2022	1.100,0
2	Đường giao thông làng Lang		L=700m, Bn=5m, Bm= 3m láng nhựa, hệ thống thoát nước	Năm 2022	805,0
IV	Xã Ia Lang			Năm 2022	4.090,0
01	Đường giao thông làng Phang đi làng Klüh Yếh	làng Phang, làng Klüh Yếh	L= 1km; Bn= 6,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2022	1.225,0
02	Xây dựng cống thoát nước đường nội đồng làng Klüh Yếh	làng Klüh Yếh	L= 0,9km; Bn= 6,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2022	1.025,0
03	Đường tuyến 2 làng Le 2	Làng Le 2	Cống thoát nước	Năm 2022	815,0
04	Trường Mầm Non Hoa Sen		Xây dựng phòng chức năng Nhà cấp IV, DTXD = 150m ²	Năm 2022	1.025,0
V	Xã Ia Dom			Năm 2022	3.400,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
1	Đường tuyến 2 Mook Trêl Từ trường Hoa Pơ Lang đến nhà ông Rơ Mah É	Thôn Mook Trêl	L= 300 m Bn=5.0m, Bm = 3.0m, hệ thống thoát nước	Năm 2022	360,0
2	Sửa chữa hội trường thôn Mook Trang, Mook Đen 1, Mook Đen 2, làng Bì	Thôn MD1, MD 2, M trang, Làng Bì		Năm 2022	160,0
3	Đường tuyến 2 thôn Ia Mút(từ nhà Ksor Thuyết đến nhà Bà Xuân)		L= 1.200 m Bn=5.0m, Bm = 3.0m, hệ thống thoát nước	Năm 2022	1.440,0
4	Đường tuyến 2 thôn Ia Mút (địa giới Ia Nan)	Thôn Ia Mút	L= 1.200m; Bn=5.0m, Bm = 3.0m, hệ thống thoát nước	Năm 2022	1.440,0
VI	Xã Ia Kla			Năm 2022	4.415,0
1	Đường vào khu sản xuất thôn Ia Tang (Từ nhà văn hóa thôn Ia Tang vào đường đất CTy 74)	thôn Ia Tang	L=650m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; Hệ thống thoát nước	Năm 2022	810,0
2	Đường giao thông nội làng Sung Kép (Từ nhà Rơ Mah Don đến nhà Kpuih Hanh)	Làng Sung Kép	L=230m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; Hệ thống thoát nước	Năm 2022	305,0
3	Đường giao thông nội làng Sung Kép (Từ nhà Rơ Châm Doal đến nhà Kpuih Phit)	làng Sung Kép	L=630m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; Hệ thống thoát nước	Năm 2022	865,0
4	Đường giao thông nội làng Sung Le Tung (Từ nhà Ksor Bô đến nhà mồ)	làng Sung Le Tung	L=430m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; Hệ thống thoát nước	Năm 2022	505,0
6	Hệ thống phát thanh tại các thôn, làng	Các thôn, làng	Hệ thống phát thanh, loa	Năm 2022	600,0
7	Đường vào khu sản xuất thôn Chư Bô 1	Thôn Chư Bô 1	L=400m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; Hệ thống thoát nước	Năm 2022	650,0
8	Đường giao thông nội làng Sung Le Kát (Từ nhà Rah Lan Sin đến Nhà mồ)	làng Sung Le Kát	L=400m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; Hệ thống thoát nước	Năm 2022	680,0
VII	Xã Ia Kriêng			Năm 2022	2.120,0
1	Đường giao thông nội làng Lung (Đoạn từ nhà ông BLên đến nhà ông Hin)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 130m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2022	260,0
2	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà ông Bo đến nhà Kpuih Du)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 260m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2022	520,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
3	Đường giao thông nội làng Ấp (Đoạn từ Ksor Klong đến nhà Rơ Mah Kăn)	Làng Ấp	Đường bê tông L= 270m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2022	540,0
4	Đường giao thông nội làng Grôn (Đoạn từ nhà Ông Nơ đến nhà ông Hyol)	Làng Grôn	Đường nhựa L= 200m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2022	400,0
5	Đường giao thông nội làng Krai (Đoạn từ nhà Kpuih HLê đến Ksor Nuen)	Làng Krai	Đường nhựa L= 200m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2022	400,0
VIII	Xã Ia Pnôn			Năm 2022	700,0
1	Đường sau nhà thờ làng Chan đi lên lô cao su và đường trước nhà thờ làng Chan đi lên lô cao su		L= 0,35km, Bn=5,5m; Bm=3,5m;	Năm 2022	700,0
IX	Xã Ia Krêl			Năm 2022	1.300,0
1	Trụ sở HĐND- UBND xã		Sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã	Năm 2022	700,0
2	Đường giao thông tuyến 3 thôn Ia Lâm Tòk		L=460m; Bn=5m; Bm=3m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống nước	Năm 2022	600,0
	Năm 2023				22.741,0
I	Xã Ia Din				1.800,0
1	Duy tu Đường giao thông liên thôn làng Nel	Làng Neh	L= 1,0km; Bn=6,5m; Bm=3,5 m; đá dăm láng nhựa; hệ thống thoát nước	Năm 2023	1.000,0
2	Đường giao thông tuyến 2 làng Yít Tú	Làng Yít Tú	L= 0,5km; Bn=5,5m; Bm=3,0 m; BTXM đá 2x4 mác 250; hệ thống thoát nước	Năm 2023	800,0
II	Xã Ia Nan			Năm 2023	1.500,0
1	Đường vào sân vận động thể thao xã	xã IaNan	Chiều dài L=700m; Bn=5,0m, Bn=3,0m, đá dăm láng nhựa; Xây cổng và tường rào sân vận động	Năm 2023	1.500,0
III	Xã Ia Dok			Năm 2023	1.455,0
1	Đường giao thông nội thôn Lê Kim		L=550m, Bn=5m, Bm= 3m láng nhựa, hệ thống thoát nước	Năm 2023	650,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
2	Đường giao thông nội làng Sung		L=700m, Bn=5m, Bm= 3m lát nhựa, hệ thống thoát nước	Năm 2023	805,0
IV	Xã Ia Lang			Năm 2023	5.726,0
1	Sân vận động khu trung tâm xã		DT=1,3ha; Cổng, tường rào, nhà quản lý, khán đài	Năm 2023	1.575,0
2	Đường tuyến 2 làng Le 2 (khu vực sân vận động xã)	làng Le 2	L= 1,5km; Bn= 6,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m2; cống thoát nước	Năm 2023	1.706,0
3	Đường tuyến 2 làng Phang	làng Phang	L= 0,5km; Bn= 6,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m2; cống thoát nước	Năm 2023	605,0
4	Trường phổ thông dân tộc bán trú Siu Biếh		03 phòng chức năng, Nhà cấp IV, DTXD = 150m2	Năm 2023	1.025,0
5	Đường nội đồng làng Le 1	làng Le 1	Cống thoát nước	Năm 2023	815,0
V	Xã Ia Dom			Năm 2023	1.030,0
1	Sửa chữa Đường giao thông thôn Mook Đen 2(nhà ông Ích đến nhà ông Siu Lú)	Thôn Mook Đen	Sửa chữa: L=1.100m	Năm 2023	550,0
2	Làm Đường tuyến 4 (nhà Ksor Ihu tiếp giáp thôn Mook Trang, nhà ông Trọng đến nhà ông Tuấn)	Thôn Mook Trang	L= 400 m Bn=5.0m, Bm = 3.0m, hệ thống thoát nước	Năm 2023	480,0
VI	Xã Ia Kla			Năm 2023	6.350,0
1	Đường giao thông nội thôn Ia Tang (Từ nhà tập thể trường PCT đến Trần Văn San)		L=400m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; cống thoát nước	Năm 2023	690,0
2	Đường vào khu sản xuất làng Sung Le Tung	Làng Sung Le Tung	L=2,0 Km; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; cống thoát nước	Năm 2023	2.000,0
3	Sân thể thao thôn Chư bỏ 2	Thôn Chư bỏ 2	DT= 0,15 ha; tường rào, khán đài	Năm 2023	300,0
4	Đường giao thông nội Sung Le Tung (Từ nhà Ksor Hă đến nhà mỏ)	làng Sung Le Tung	L=600m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m2; cống thoát nước	Năm 2023	800,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
5	Hệ thống mương thoát nước đường tuyến 2	Làng sung kép	L= 600m	Năm 2023	600,0
6	Đường giao thông nội làng Sung Le Kát (Từ nhà Ksor Looh đến nhà Rơ Mah Lang)	làng Sung Le Kát	L=600m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2023	860,0
7	Sân thể thao thôn Ia Tang	Thôn Ia Tang	DT=0.15ha, tường rào, khán đài	Năm 2023	300,0
8	Đường giao thông nội làng Sung Le Kát (Từ nhà Kpuilh Dom đến nhà Ksor H' Moi)	làng Sung Le Kát	L=600m; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2023	800,0
VII	Xã Ia Kriêng			Năm 2023	2.180,0
1	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà ông Ksor Nil đến nhà Vũ Thành Lộc)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 350m; Bn=5,0m; Bm = 3,0m; hệ thống thoát nước	Năm 2023	700,0
2	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà bà Kpuilh Huem đến nhà Rơ Lan KLeh) (Đường tuyến 2)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 220m; Bn=5,0m; Bm = 3,0m; hệ thống thoát nước	Năm 2023	440,0
3	Đường giao thông nội làng Áp (Đoạn từ nhà Ông Tám Dương đến nhà Rơ Mah Bui)	Làng Áp	Đường bê tông L= 120m; Bn=5,0m; Bm = 3,0m; hệ thống thoát nước	Năm 2023	240,0
4	Đường giao thông nội làng Grôn (Đoạn từ Rơ Lan Sỹ đến nhà bà Phyin)	Làng Grôn	Đường nhựa L= 150m; Bn=5,0m; Bm = 3,0m; hệ thống thoát nước	Năm 2023	300,0
5	Sửa chữa đoạn đường Lô 2 làng Lung (đoạn từ nhà Siu Viên đến đường liên huyện)	Làng Lung Prông	Nâng cấp, sửa chữa; L= 1000m; Bn = 5,0m; Bm =3,0m	Năm 2023	500,0
VIII	Xã Ia Phôn				600,0
1	Trường THCS Tiểu học Lương Thế Vinh		Sân bê tông S= 400m ² ; nhà vệ sinh	Năm 2023	600,0
IX	Xã Ia Krêl			Năm 2023	2.100,0
1	Đường giao thông thôn Ia Gôn	Thôn Ia Gôn	L=1km, Bn= 5,0m; Bm=3,0m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2023	1.000,0
2	Chợ + Sân thể thao Làng Ngole		Diện tích 3,200m ²	Năm 2023	1.100,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
	NĂM 2024				27.835,0
I	Xã Ia Din				3.300,0
1	Sửa chữa 08 Nhà văn hóa thôn, làng	Thôn , làng		Năm 2024	800,0
3	Trường THCS Nguyễn Huệ	thôn TN	Sân cổng tường rào, Khu thể thao, nhà đa năng	Năm 2024	2.500,0
II	Xã Ia Nan			Năm 2024	1.200,0
1	Trường Mầm Non Hoa Cúc	xã Ia Nan	01 phòng làm việc Phó HT, 01 Phòng Y tế, 01 phòng bảo vệ,	Năm 2024	1.200,0
III	Xã Ia Dok			Năm 2024	2.600,0
1	Xây mới Nhà văn hóa và trung tâm thể thao xã			Năm 2024	2.600,0
IV	Xã Ia Lang			Năm 2024	6.845,0
01	Mương thoát nước làng Klüh - Yêh	làng Klüh - Yêh	L=4km	Năm 2024	2.850,0
02	Mương thoát nước làng Phang	làng Phang	L=1km	Năm 2024	720,0
03	Xây dựng khu thể thao làng Le 1	làng Le 1	DT = 0,3 ha	Năm 2024	410,0
04	Xây dựng khu thể thao làng Le 2	làng Le 2	DT = 0,3 ha	Năm 2024	410,0
05	Xây dựng khu thể thao làng Phang	làng Phang	DT = 0,3 ha	Năm 2024	410,0
06	Xây dựng khu thể thao làng Klüh Yêh	làng Klüh Yêh	DT = 0,3 ha	Năm 2024	410,0
07	Đường ra khu sản xuất làng Klüh Yêh		L= 1km; Bn= 6,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m2; cống thoát nước	Năm 2024	1.025,0
08	Đường đến nhà văn hóa xã		Đường BTXM, L= 400m, đá 2x4, mức 250, dày 16cm	Năm 2024	610,0
V	Xã Ia Dom			Năm 2024	1.800,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
1	Đường tuyến 2 từ Mook Trang đến Mook Đen 2	Thôn Mook Đen 2, Mook Trang	L= 1500 m, Bn=5,5m; Bm= 3,0; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2024	1.800,0
VI	Xã Ia Kla			Năm 2024	4.300,0
1	Trụ sở HĐND-UBND xã	Xã Ia Kla	Hoa viên, Tường rào, sân bê tông	Năm 2024	1.000,0
2	Đường vào khu sản xuất làng Sung Le Kát	Làng Sung Le Kát	L=2,0 Km; Bn=5m; Bm=3m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2024	2.000,0
3	Sân thể thao thôn Chư bỏ 1	Thôn Chư bỏ 1	DT= 0,15 ha; tường rào, khán đài	Năm 2024	300,0
3	Khuôn viên Nhà văn hóa 3 làng địa phương	Các làng địa phương	D=600m ² ; Tường rào, sân bê tông, hoa viên	Năm 2024	1.000,0
VII	Xã Ia Kriêng			Năm 2024	5.190,0
1	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà trường đến nhà Rơ Lan Cát)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 350m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2024	700,0
2	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà bà Bem đến nhà Sân bóng)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L=100m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2024	300,0
3	Đường giao thông nội làng Lung Prông (Đoạn từ nhà bà Ông HLiip đến đường tuyến 2)	Làng Lung Prông	Đường nhựa L= 220m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2024	440,0
4	Trường THCS Trần Quốc Toản	Làng Ấp	Sơn sửa 6 phòng học diện tích 522m ²	Năm 2024	550,0
5	Sửa chữa Nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn làng	Làng Nuk; Krai; Lung Prông; Grôn	Sơn sửa nhà SHCD, Làm cống, tường rào và sân bê tông	Năm 2024	1.200,0
6	Sân bóng đá xã và các thôn làng	Tại các thôn	San ủi, trồng cây, cắm mốc	Năm 2024	2.000,0
VIII	Xã Ia Pnôn			Năm 2024	300,0
1	Đường giao thông làng Bua (đoạn đường chính nhà ông Rơ Lan Huet đến đường lộ 2)		L=0.15km; BTXM đá 2x4 mác 250; hệ thống thoát nước	Năm 2024	300,0
IX	Xã Ia Krêl			Năm 2024	2.300,0
1	Đường giao thông thôn Ia Lâm Tók (đoạn từ nhà ông Thủy đến nhà ông Khương)		L=1km, Bn=5,0m; Bm=3,0m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2024	1.500,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
2	Đường vào nghĩa trang chung của xã		L=350m; Bn= 5,0m; Bm=3,0m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước; Cổng nghĩa trang	Năm 2024	800,0
	Năm 2025				28.030,0
I	Xã Ia Din				4.000,0
1	Đường giao thông tuyến 2, thôn Đồng Tâm 1	ĐT 1	L= 0,75 km, Bn=5,0m; Bm=3,5m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2025	1.000,0
2	Đường nhánh tại các thôn, làng	các thôn	L= 1,5km; Bm=3m; BTXM đá 2x4 mác 250, dày 16cm; hệ thống thoát nước	Năm 2025	2.000,0
4	Đường giao thông tuyến 2, Đồng Tâm 1 (Khu quy hoạch vui chơi giải trí)	ĐT 1	L= 0,75 km, Bn=5,0m; Bm=3,5m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2025	1.000,0
II	Xã Ia Nan			Năm 2025	2.000,0
1	Xây dựng nghĩa địa chung của xã	xã Ia Nan	San ủi mặt bằng, làm đường vào khu nghĩa địa L= 700m; xây cổng, hàng rào xung quanh	Năm 2025	2.000,0
III	Xã Ia Dok			Năm 2025	1.005,0
1	Xây dựng bãi xử lý rác chung			Năm 2025	200,0
2	Đường giao thông làng Mới		L=700m, Bn=5m, Bm= 3m đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2025	805,0
IV	Xã Ia Lang			Năm 2025	7.525,0
01	Xây dựng điểm trường Mầm non, Tiểu học tại các làng		phòng học lý thuyết và các hạng mục phụ	Năm 2025	7.525,0
V	Xã Ia Dom			Năm 2025	2.700,0
1	Đường tuyến 2 thôn Mook Đen QL 19 Phía Ia Nan (Từ đại tướng niệm đến nhà ông Nguyễn Văn Chiến)	Thôn Mook Đen 1	L= 750 m Bn=5.0m, Bm = 3.0m, hệ thống thoát nước	Năm 2025	900,0
2	Đường tuyến 3 từ Mook Trang đến Mook Đen 2	Mook Đen 2, Mook	L= 1500 m, Bn=5.0m, Bm = 3.0m, hệ thống thoát nước	Năm 2025	1.800,0

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư
VI	Xã Ia Kla			Năm 2025	6.600,0
1	Đường giao thông tuyến 2 thôn Chư Bô 2	Thôn Chư Bô 2	L=1,5 Km; Bn=5,5m; Bm=3,5m; TCN 3,0kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2025	2.000,0
2	Đường giao thông nội làng Sung Le Tung	Làng Sung Le Tung	L=500m; Bn=5,0m; Bm=3,0m; TCN 3,0kg/m ² ; cống thoát nước	Năm 2025	600,0
3	Xây dựng các điểm trường tại các thôn, làng	Các thôn, làng	phòng học và các hạng mục phụ	Năm 2025	4.000,0
VII	Xã Ia Krieng			Năm 2025	3.100,0
1	Đường giao thông nội làng Krai (Đoạn từ nhà Rơ Lan Ku đến Kpuih Búp)	Làng Krai	Đường nhựa L= 300m; ;Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2025	600,0
2	Đường giao thông nội làng Hrang (Đoạn từ nhà đội 9 đến nhà Hoàng Văn Lựng)	Làng Hrang	Đường nhựa L= 300m; Bm=5m; Bn = 3m; hệ thống thoát nước	Năm 2025	600,0
3	Khu vui chơi tại các thôn	Tại các thôn	Khu vui chơi trẻ em, khu tập thể dục người già, thiết bị	Năm 2025	1.200,0
4	Xây dựng nghĩa trang chung của xã		San ủi, cắm mốc quy hoạch	Năm 2025	700,0
VIII	Xã Ia Pnôn			Năm 2025	300,0
1	Đường giao thông làng Bua (đoạn đường nhà Ông Ja đi xuống đến đoạn sau lưng nhà Ông Rơ Lan Loan)		L=0.15km; BTXM đá 2x4 mác 250, dày 16cm; hệ thống thoát nước	Năm 2025	300,0
IX	Xã Ia Krêl			Năm 2025	800,0
1	Đường giao thông Làng Krêl		L=800m, Bn= 5,0m; Bm=3,0m; đá dăm láng nhựa, TCN 3kg/m ² ; hệ thống thoát nước	Năm 2025	800,0
	TỔNG CỘNG				141.930,0